

Số/No.: 20220113/KTGD/FUEKIV30-CBTT

**CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU  
GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI**

Kính gửi: Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh City Stock Exchange  
Từ: Thành Viên Lập Quỹ/ Nhà Đầu Tư/ Authorized Participants/ Investors

- Tên quỹ ETF/ *ETF name*: Quỹ ETF KIM GROWTH VN30/ *KIM GROWTH VN30 ETF*  
- Mã chứng khoán/*Securities symbol*: **FUEKIV30**  
- Tên Công ty Quản lý quỹ:  
*Fund Management company*: Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam/  
*KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd.*  
- Tên Ngân hàng giám sát/  
*Supervisory Bank*: Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam/  
*Joint Stock Commercial Bank For Foreign Trade of Viet Nam*  
- Ngày giao dịch hoán đổi/ *Exchange date*: **13/01/2022**  
- Đơn vị tính lô ETF/ *Unit*: 1 lô ETF tương đương 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/  
*1 lot of ETF = 100 000 ETF shares*

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 01 năm 2022  
Ho Chi Minh City, January 13, 2022

**ANNOUNCEMENT AFTER  
EXCHANGE TRADING**

Chúng tôi thông báo Danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi như sau/ *We announce the creation basket as follow*:

STT No.	Mã chứng khoán Securities code	Số lượng Volume	Tỷ lệ % trong danh mục Weight (%)
<b>I. Chứng khoán/ Securities</b>			
1	ACB	1,600	5.28%
2	BID	100	0.53%
3	BVH	100	0.54%
4	CTG	500	1.70%
5	FPT	500	4.80%
6	GAS	100	0.78%
7	GVR	100	0.37%
8	HDB	900	2.78%
9	HPG	1,700	7.83%
10	KDH	300	1.61%
11	MBB	1,400	4.08%
12	MSN	300	4.73%
13	MWG	300	4.40%
14	NVL	500	4.07%
15	PDR	100	0.90%
16	PLX	100	0.55%
17	PNJ	100	0.92%
18	POW	300	0.54%
19	SAB	100	1.11%
20	SSI	500	2.52%
21	STB	1,200	4.15%
22	TCB	1,600	8.04%
23	TPB	700	2.90%
24	VCB	400	3.06%
25	VHM	800	6.67%
26	VIC	800	8.04%
27	VJC	200	2.46%
28	VNM	600	4.97%
29	VPB	2,100	7.41%
30	VRE	500	1.79%
<b>II. Tiền/ Cash</b>			
	Tiền/ Cash (VND)	6,053,608	

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ *Spread between a basket and 1 lot of ETF in value*

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ *Basket value*: (VND)

- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ *Value per lot of ETF*: (VND)

- Giá trị chênh lệch/ *Spread in value*: (VND)

996,970,000

1,003,023,608

6,053,608



- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ *Plan to reduce the spread*

+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order:

+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order:

Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ *Transfer cash component*

Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại  
*Receive cash component after subtracting tax and redemption fee*

Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/ *In case stock can be replaced by cash:*

STT No.	Mã chứng khoán <i>Securities code</i>	Tiền thay thế tương ứng 1 CP/ <i>Cash Substitution per share (VND)</i>	Đối tượng áp dụng/ <i>Applied to</i>	Lý do/ <i>Reason</i>
1	ACB	33,100	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign Investors</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
2	BID	42,150	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ <i>Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC</i>
3	BVH	54,000	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ <i>Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC</i>
4	FPT	89,600	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign Investors</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
5	MBB	29,200	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign Investors</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
6	MWG	136,000	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign Investors</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
7	SSI	50,500	SSI	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ <i>Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC</i>
8	TCB	50,400	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign Investors</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
9	VPB	35,400	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign Investors</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>

- Các chỉ tiêu khác/ *Other criteria:*

Chỉ tiêu/ <i>Criteria</i>	Kỳ này/ <i>This period (*)</i>	Kỳ trước/ <i>Last period (**)</i>	Chênh lệch/ <i>Difference</i>
	13/01/2022	12/01/2022	
1. Số lô đã phát hành thêm/ <i>Creation units issued</i>	-	10	(10)
2. Số lô đã mua lại/ <i>Creation units redeemed</i>	-	-	-
3. Tổng số lượng CCQ đang ký niêm yết/ <i>Outstanding shares</i>	8,300,000	8,300,000	-
4. Giá đóng cửa (VND/ ccq)/ <i>Closing price</i>	10,100.00	10,040.00	60.00
5. Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ <i>Net asset value at valuation date</i>			
của quỹ ETF/ <i>of the Fund</i>	73,220,723,429	71,797,068,469	1,423,654,960
của 1 lô CCQ ETF/ <i>per ETF creation unit</i>	1,003,023,608	983,521,485	19,502,123
của 1 CCQ/ <i>per Share</i>	10,030.23	9,835.21	195.02
6. Chỉ số tham chiếu/ <i>Tracking Index</i>	1,530.04	1,499.74	30.30

(\*) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại 12/01/2022

/ *Item 5 is net asset value at 12/01/2022*

(\*\*) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại 11/01/2022

/ *Item 5 is net asset value at 11/01/2022*

Đại diện được ủy quyền công bố thông tin của Công ty Quản lý Quỹ  
*Authorised Representative of Fund Management Company*



**Huỳnh Mai Thảo**  
**TRƯỞNG PHÒNG VẬN HÀNH**